

Số: 1811/QĐ-CAT-PC08

Nghệ An, ngày 11 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỶ SÁT HẠCH LÁI XE

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cảnh sát giao thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe ô tô cho tổng số: 459 thí sinh hạng B (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày 15/4/2026 tại Trung tâm Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Nghệ An, địa chỉ: xã Vạn An, tỉnh Nghệ An (có mã QR kèm theo).

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

- Đồng chí Thượng tá Nguyễn Hàm Thắng, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Chủ tịch Hội đồng;
- Đồng chí Trung tá Phạm Văn Lực, Chức vụ: Đội trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng;
- Ông: Đặng Thanh Thương, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Nghệ An, Ủy viên Hội đồng;
- Đồng chí Đại úy Lê Cảnh Đức, Chức vụ: Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Thư ký.
- Các sát hạch viên (có danh sách kèm theo).

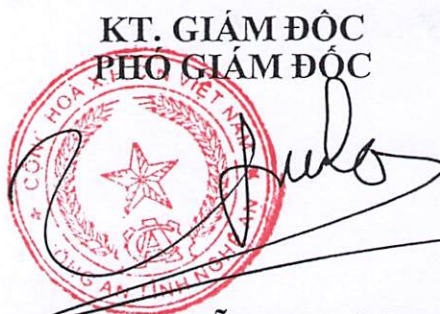
Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại các Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đ/c Giám đốc (để báo cáo)
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT, PC08(Lực).



Đại tá Nguyễn Đức Cường

DANH SÁCH SÁT HẠCH VIÊN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CAT-PC08 ngày /4/2026 của Công an tỉnh)

TT	CẤP BẬC, HỌ TÊN	NHIỆM VỤ
1	Trung tá Phạm Văn Lực	Sát hạch viên
2	Trung tá Bùi Thái Cường	Sát hạch viên
3	Trung tá Vũ Minh Phương	Sát hạch viên
4	Trung tá Nguyễn Quốc Phúc	Sát hạch viên
5	Trung tá Đặng Trọng Quang	Sát hạch viên
6	Trung tá Phạm Công Thành	Sát hạch viên
7	Trung tá Lê Văn Hùng	Sát hạch viên
8	Trung tá Bùi Thanh Sơn	Sát hạch viên
9	Thiếu tá Nguyễn Ngọc Tú	Sát hạch viên
10	Thiếu tá Hoàng Quốc Đạt	Sát hạch viên
11	Thiếu tá Nguyễn Việt Cường	Sát hạch viên
12	Đại úy Nguyễn Văn Phương	Sát hạch viên
13	Đại úy Nguyễn Quốc Anh	Sát hạch viên
14	Đại úy Nguyễn Tuấn Anh	Sát hạch viên
15	Thượng úy Trần Thiện Hoàng	Sát hạch viên

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
(Kèm theo Quyết định số: 1811/QĐ-CAT-PC08 ngày 11 tháng 4 năm 2026 của Công an tỉnh Nghệ An)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
1	LÊ XUÂN ĐỨC AN	17/04/2006	*****85	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005279
2	LÊ VĂN AN	04/03/1994	*****73	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007536
3	ĐẶNG HẢI AN	15/01/2005	*****22	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x		00259
4	TRẦN THỊ AN	02/01/1994	*****56	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00552
5	NGUYỄN THỊ THÚY AN	30/01/2002	*****08	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00902
6	LÊ THẢO AN	17/12/1999	*****09	Xã Bắc Lý, Tỉnh Ninh Bình	x		001394
7	CHU VĂN AN	22/07/2001	*****73	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00445
8	NGUYỄN CẢNH AN	26/10/2004	*****65	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00747
9	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	06/06/1997	*****80	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001056
10	HOÀNG NGỌC ANH	08/01/1998	*****61	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006393
11	HỒ THỊ VĂN ANH	10/12/1991	*****61	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001887
12	BÙI THỂ ANH	10/10/2004	*****65	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		005628
13	ĐÀO ĐỨC ANH	10/11/2006	*****84	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00538
14	NGUYỄN THIÊN HOÀNG ANH	11/07/2006	*****19	Xã Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	x		00620
15	HỒ THỊ VĂN ANH	04/03/2000	*****04	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004959

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
16	PHAN THỊ PHƯƠNG ANH	30/08/2005	*****10	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00721
17	KHA HÙNG ANH	17/07/1997	*****38	Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001151
18	LÊ HOÀNG ANH	21/07/1997	*****20	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00748
19	NGÔ THỊ ÁNH	05/03/1993	*****27	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		00937
20	TRẦN THỊ LAN ÁNH	23/06/2000	*****98	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		00938
21	NGUYỄN LÊ BẮC	16/03/1996	*****44	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001110
22	VÕ VĂN BẢO	17/02/2006	*****15	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00628
23	TRẦN THỊ NGỌC BÉ	06/11/2001	*****55	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003755
24	VŨ THỊ BÍCH	27/09/1977	*****03	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006603
25	NGUYỄN VĂN BIẾN	02/09/1986	*****31	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007526
26	NGUYỄN THỊ BÌNH	26/11/1982	*****60	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007397
27	CHU THỊ BÌNH	12/06/1992	*****32	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	0095
28	NGUYỄN THỊ BÌNH	15/06/1993	*****83	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		00835
29	NGUYỄN THỊ BÌNH	07/04/1990	*****17	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00858
30	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	16/07/1977	*****16	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		001405
31	TRƯƠNG THỊ BÌNH	09/09/1991	*****75	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00771
32	DƯƠNG THỊ BÔNG	23/08/1990	*****57	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00859

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
33	CAO XUÂN CA	20/02/1982	*****16	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001015
34	NGUYỄN PHÚC CHÂU	10/07/1972	*****39	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		007825
35	NGUYỄN THỊ CHÍNH	07/06/1992	*****57	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		004759
36	VI VĂN CHUNG	02/02/1988	*****25	Xã Mùong Chông, Tỉnh Nghệ An	x		00433
37	BÙI HUY CHUNG	01/12/1970	*****41	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		0098
38	DƯƠNG THỊ CHUNG	24/06/1988	*****89	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		00702
39	TRẦN THỊ CHUNG	28/12/1982	*****69	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00905
40	TRƯƠNG CÔNG CHUNG	19/09/1982	*****02	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		001123
41	PHẠM XUÂN CÔNG	23/03/2002	*****10	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00570
42	HOÀNG CẢNH CÔNG	21/10/1989	*****19	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00164
43	NGUYỄN THỊ CÔNG	07/08/1990	*****84	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		0069
44	NGUYỄN HỮU CÔNG	28/04/1987	*****02	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007172
45	PHAN BÁ CÔNG	28/10/1983	*****43	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		00166
46	NGUYỄN THỊ CÚC	21/06/1986	*****46	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00553
47	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	26/03/1990	*****00	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		001460
48	TRỊNH XUÂN CƯỜNG	25/11/1994	*****93	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		00979
49	HỒ NGỌC CƯỜNG	10/12/1992	*****54	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007058

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
50	LUYỆN HỒNG CƯỜNG	05/04/1991	*****82	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007684
51	LÊ VIỆT CƯỜNG	06/06/1986	*****60	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		007612
52	HỒ SỸ CƯỜNG	20/10/1994	*****38	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00532
53	BÙI TỨ CƯỜNG	23/10/1968	*****67	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00531
54	ĐẶNG THỊ ĐẠI	29/04/1998	*****59	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		006336
55	NGUYỄN THỊ DÂN	10/11/1975	*****67	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00703
56	NGUYỄN THẾ ĐAN	12/11/2007	*****77	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00750
57	NGUYỄN THỊ ĐÀO	22/08/1989	*****60	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		004776
58	NGUYỄN THỊ ĐÀO	08/06/1981	*****87	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	0099
59	NGUYỄN XUÂN ĐẠO	15/10/1991	*****78	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005147
60	LÊ TIẾN ĐẠT	13/11/2004	*****39	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	00876
61	HOÀNG VĂN ĐẠT	31/07/1999	*****63	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		006407
62	VŨ ĐÌNH THÁI THÀNH ĐẠT	27/01/2005	*****34	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		00692
63	HOÀNG QUỐC ĐẠT	11/03/1999	*****77	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00704
64	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	05/04/2001	*****14	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		00828
65	PHẠM THỊ DIỄN	02/08/1998	*****29	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00348
66	NAY HỒ ĐIỀU	05/05/1995	*****65	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		00722

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
67	NGUYỄN THỌ ĐÌNH	26/09/1998	*****77	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007859
68	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	20/02/2001	*****84	Phường Trúc Lâm, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	007972
69	LÔ VĂN ĐỐI	08/05/1988	*****65	Xã Yên Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007537
70	ĐẬU CÔNG ĐỘI	05/06/1996	*****46	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001106
71	NGUYỄN VĂN DỤC	16/08/1976	*****37	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006168
72	TRẦN MINH ĐỨC	25/08/1993	*****21	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		006890
73	NGUYỄN CÔNG ĐỨC	02/08/1988	*****44	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		00574
74	TRẦN VĂN ĐỨC	07/10/1981	*****18	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		007060
75	NGÔ MINH ĐỨC	15/05/1988	*****94	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		007339
76	NGUYỄN ANH ĐỨC	29/10/2005	*****24	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00573
77	TRẦN VĂN ĐỨC	29/09/1993	*****40	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		00879
78	NGUYỄN THẾ ĐỨC	06/04/1997	*****50	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001122
79	TRẦN MINH ĐỨC	09/09/1978	*****58	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001152
80	TÔ ANH ĐỨC	30/05/2007	*****05	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		001143
81	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	08/01/1995	*****94	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		00963
82	HOÀNG SỸ ĐỨC	26/01/1997	*****14	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001433
83	VI NGỌC ĐỨC	05/04/2004	*****69	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x		00774

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
84	HỒ THỊ DUNG	06/08/1991	*****32	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007195
85	NGUYỄN THỊ DUNG	20/05/1989	*****47	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00121
86	NGUYỄN THỊ DUNG	16/09/1991	*****63	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007732
87	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	09/11/2000	*****44	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00239
88	NGUYỄN THỊ DUNG	13/03/1993	*****54	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00618
89	HỒ HUYỀN DUNG	01/09/1991	*****60	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00223
90	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	15/10/1999	*****71	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00705
91	LÊ VĂN DŨNG	14/06/1987	*****43	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		00168
92	ĐẬU ĐỨC DŨNG	20/01/1998	*****81	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001085
93	HỒ VĂN DŨNG	15/07/1983	*****13	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00964
94	VÕ ĐÌNH DŨNG	02/05/1971	*****64	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00982
95	NGUYỄN TRUNG DŨNG	09/03/1980	*****40	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00751
96	BÙI QUANG DŨNG	27/09/1991	*****39	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		001454
97	PHAN XUÂN DƯƠNG	05/10/1968	*****41	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00349
98	NGUYỄN BÁ DƯƠNG	15/01/1989	*****78	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00880
99	TRẦN VĂN DƯƠNG	16/12/1976	*****35	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001382
100	HỒ HỮU DUY	11/03/2003	*****44	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x		001095

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
101	PHẠM THỊ MỸ DUYÊN	13/01/2007	*****56	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		00100
102	TRƯƠNG THỊ DUYÊN	16/02/1981	*****61	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001039
103	ĐẬU THỊ KIM DUYÊN	05/03/1999	*****96	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00810
104	ĐẬU TRƯỜNG GIANG	08/11/1984	*****29	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00533
105	LÊ VĂN GIANG	19/05/1990	*****01	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x		007782
106	NGUYỄN LAM GIANG	15/08/2003	*****73	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00241
107	NGUYỄN THỊ GIANG	14/02/1980	*****37	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	0035
108	NGUYỄN THỊ GIANG	14/11/1994	*****01	Xã Trung Chính, Tỉnh Bắc Ninh	x		001317
109	PHAN THỊ GIANG	18/07/1993	*****56	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		001434
110	NGUYỄN VĂN GIANG	23/03/1989	*****55	Xã Đồng Lê, Tỉnh Quảng Trị	x		00777
111	LÊ ĐÌNH GIÁP	12/01/1985	*****69	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x		001156
112	VI VĂN HÀ	01/05/1987	*****71	Xã Mường Chộng, Tỉnh Nghệ An	x		001135
113	VI THỊ HÀ	02/02/1994	*****03	Xã Mường Chộng, Tỉnh Nghệ An	x		00391
114	TRẦN THỊ HÀ	06/06/1979	*****81	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		00724
115	TRƯƠNG CÔNG HẠ	25/05/1987	*****64	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		001124
116	LÊ THỊ THANH HẢI	26/03/1999	*****35	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00124
117	THÁI THỊ HẰNG	27/01/1991	*****89	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007466

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
118	NGUYỄN THỊ HẰNG	24/06/1990	*****00	Xã Tân Lạc, Tỉnh Phú Thọ	x		006177
119	ĐẶNG THỊ THU HẰNG	21/08/1996	*****85	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00467
120	NGUYỄN THỊ HẰNG	10/05/1985	*****40	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		00910
121	NGUYỄN THỊ HẠNH	12/07/1982	*****69	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00911
122	NGUYỄN THỊ HẠNH	10/03/1993	*****97	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00477
123	LÊ THỊ HẠNH	26/12/1973	*****01	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	x		003988
124	ĐẶNG THỊ MỸ HẠNH	09/03/1993	*****33	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		005974
125	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	12/05/1995	*****87	Xã Hồng Phong, Tỉnh Ninh Bình	x		007890
126	HOÀNG THỊ HẠNH	24/12/1995	*****78	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		006353
127	NGUYỄN THỊ HẠNH	10/02/1992	*****26	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00882
128	NGUYỄN VĂN HẢO	28/08/1977	*****59	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007155
129	HOÀNG THỊ HẬU	17/04/1991	*****33	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00809
130	NGÔ GIA HẬU	09/03/2005	*****81	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001145
131	HOÀNG THỊ HIỀN	20/05/1974	*****26	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		007639
132	HOÀNG THỊ HIỀN	25/09/1994	*****35	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00394
133	ĐẶNG THỊ HIỀN	03/06/1992	*****50	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004594
134	HOÀNG VĂN HIỀN	22/10/1990	*****53	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007390

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
135	LÊ MINH HIỂN	29/06/1982	*****46	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007785
136	TRẦN VĂN HIỆP	06/07/1998	*****32	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		005482
137	HỒ TRỌNG HIẾU	30/04/1993	*****00	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005306
138	ĐẶNG VĂN HIẾU	12/10/1987	*****24	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x		00684
139	BÙI THỊ HIẾU	06/02/1996	*****31	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		005635
140	TRẦN VĂN HIẾU	16/03/2007	*****91	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		00104
141	NGUYỄN TRUNG HIẾU	10/01/2001	*****59	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		00266
142	NGUYỄN ĐĂNG HIẾU	15/04/1993	*****91	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00779
143	KHA VĂN HIẾU	23/08/1989	*****10	Xã Châu Khê, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007297
144	LÊ THỊ HOA	10/03/1995	*****79	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006612
145	NGUYỄN THỊ HÒA	23/08/1992	*****18	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		007641
146	VI QUANG HÒA	07/09/1996	*****84	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		007212
147	HỒ HỮU HÒA	10/05/1985	*****89	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		006511
148	NGUYỄN HẢI HÒA	13/05/1988	*****69	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00449
149	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	15/09/1999	*****76	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00353
150	LÔ VĂN HOÀI	17/03/1977	*****17	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		004506
151	VƯƠNG THỊ HOÀI	04/02/1985	*****26	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		001375

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
152	LÊ THỊ HOÀI	12/02/2001	*****24	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001455
153	HOÀNG THỊ HOÀI	28/11/1994	*****00	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00780
154	ĐẶNG XUÂN HOAN	18/02/2007	*****54	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		00244
155	NGUYỄN THỊ HOÀN	10/01/2003	*****48	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00354
156	TRẦN MINH HOÀN	22/12/1975	*****53	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00173
157	LÊ MINH HOÀNG	20/12/1993	*****52	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		006539
158	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	15/04/1996	*****75	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007735
159	BÙI VĂN HOÀNG	12/07/1983	*****79	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001021
160	NGUYỄN BÁ HOÀNH	18/08/1987	*****29	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		00452
161	TẦN NHƯ HÒE	28/10/1969	*****46	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00942
162	NGÔ THỊ HỘI	20/02/1983	*****87	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00864
163	TRỊNH THỊ MAI HỒNG	08/04/2004	*****09	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		00397
164	TRẦN THỊ HỒNG	18/02/2006	*****06	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007892
165	HÀ THỊ HỒNG	07/06/1993	*****10	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		001074
166	LÊ VĂN HỢP	10/10/1977	*****10	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006081
167	NGUYỄN THỊ HUẾ	23/03/2001	*****16	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00815
168	NGÔ SỸ HÙNG	20/05/1979	*****67	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007691

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
169	NGUYỄN MẠNH HÙNG	19/05/1985	*****64	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007952
170	ĐẶNG DOÃN HÙNG	24/04/1995	*****10	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00174
171	CHỦ VĂN HÙNG	20/08/1989	*****04	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001146
172	HOÀNG VĂN HÙNG	26/09/1994	*****53	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00781
173	ĐẶNG CÔNG HUNG	10/04/1992	*****32	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		007240
174	LÊ ĐỨC HUNG	20/10/1999	*****88	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00246
175	NGUYỄN TUẤN HÙNG	20/09/2007	*****17	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00966
176	TRẦN THỊ HƯƠNG	27/08/1989	*****23	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002177
177	HỒ THỊ THU HƯƠNG	28/10/1994	*****56	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007662
178	VŨ THỊ HƯƠNG	24/09/1988	*****90	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007873
179	HOÀNG THỊ THU HƯƠNG	04/03/1978	*****33	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		007170
180	HOÀNG THỊ HƯƠNG	18/11/1979	*****57	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		001080
181	LŨ THỊ HƯƠNG	02/04/1996	*****36	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001331
182	HOÀNG THỊ THU HƯƠNG	03/09/1981	*****93	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		001320
183	NGÔ THỊ HƯƠNG	20/05/1976	*****69	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00912
184	PHẠM TRỌNG HƯƠNG	20/03/1989	*****96	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		00147
185	NGÔ THỊ HƯỜNG	03/07/1975	*****03	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00355

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
186	LÊ THỊ HUỜNG	09/09/1982	*****76	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00333
187	VŨ THỊ HUỜNG	07/05/1990	*****60	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00913
188	NGUYỄN THỊ HUỜNG	06/07/1983	*****38	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		00740
189	TRẦN NGỌC HỮU	01/01/1980	*****77	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		00148
190	LÔ XUÂN HỮU	06/01/1972	*****17	Xã Châu Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00382
191	NGŨ VĂN HỮU	18/05/2002	*****34	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007852
192	TRẦN VĂN HUY	12/10/1986	*****59	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		00175
193	NGÔ THỊ HUYỀN	06/06/1999	*****97	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00469
194	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	18/07/2005	*****92	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		007310
195	TRẦN THỊ HUYỀN	15/07/1991	*****56	Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	00107
196	PHẠM THỊ THU HUYỀN	03/02/1997	*****08	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001069
197	LƯƠNG THỊ HUYỀN	13/01/1994	*****29	Xã Mường Chộng, Tỉnh Nghệ An	x		001081
198	LÔ THÚY HUYỀN	19/10/2001	*****68	Xã Sơn Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00708
199	ĐOÀN HUỶNH	10/04/1984	*****95	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00754
200	NGUYỄN VĂN KHAI	05/01/1988	*****64	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		00682
201	NGUYỄN DUY KHANG	16/10/1999	*****13	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001390
202	LÊ THỊ HOÀI KHÁNH	09/10/2002	*****09	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007757

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
203	PHAN MINH KHÁNH	16/09/1992	*****76	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001121
204	HỒ SỸ KHOA	18/07/2001	*****07	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		00475
205	VÕ ĐĂNG KHÔI	26/12/2004	*****35	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001137
206	BIỆN VĂN KIÊN	25/03/1987	*****34	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		001153
207	NGUYỄN ĐÌNH KIÊN	29/11/1980	*****42	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		00986
208	CAO ANH KIỆT	06/08/2007	*****19	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00453
209	NGUYỄN XUÂN KIỀU	15/10/1961	*****95	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00914
210	PHẠM THỊ KÍNH	29/09/1983	*****85	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00865
211	NGHIÊM THỊ LÀI	10/09/1987	*****92	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00261
212	TRẦN THỊ LAM	06/04/1984	*****89	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		00915
213	TRẦN THỊ LÂM	20/10/1991	*****06	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		001884
214	NGUYỄN VĂN LÂM	10/06/1988	*****08	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		006977
215	NGUYỄN THỊ LÂM	22/10/1980	*****29	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		00725
216	LÊ THỊ LAN	02/09/1987	*****19	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00262
217	LÔ THỊ LAN	06/11/1988	*****34	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x		007564
218	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	08/01/1993	*****05	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00968
219	NGUYỄN THỊ LIÊN	05/10/1985	*****56	Xã Chiêu Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00398

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
220	LÊ VĂN LINH	02/11/2004	*****13	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007289
221	NGUYỄN ĐỨC LINH	25/03/2007	*****36	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		00629
222	LÊ THỊ LINH	26/10/1997	*****88	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006898
223	TRẦN KHÁNH LINH	03/03/2002	*****65	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006583
224	VÕ THỊ KHÁNH LINH	15/10/2005	*****15	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007896
225	HÀ VĂN LINH	10/06/1962	*****95	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007130
226	HỒ SỸ LĨNH	04/08/1997	*****22	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		007794
227	ĐẬU THỊ HỒNG LĨNH	04/09/2005	*****38	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00885
228	LÃNG KHẮC LĨNH	01/12/1986	*****22	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		001435
229	NGUYỄN THỊ LOAN	15/05/1992	*****35	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006653
230	NGUYỄN THỊ LOAN	28/12/1991	*****00	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		00129
231	TRẦN THỊ LOAN	19/11/1989	*****36	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		0082
232	NGUYỄN THỊ LOAN	13/01/2002	*****41	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		00726
233	NGUYỄN THỊ LOAN	05/06/1990	*****68	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00784
234	NGUYỄN ĐÌNH LỢI	10/11/1996	*****30	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		00987
235	TẶNG VĂN LONG	15/07/1988	*****89	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007280
236	PHẠM HỮU LONG	08/01/1976	*****53	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		007467

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
237	MAI VĂN LONG	19/03/1989	*****56	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		00988
238	PHAN VĂN LUẬT	29/07/1985	*****74	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00535
239	PHAN THỊ LƯƠNG	25/08/1995	*****01	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007509
240	TRẦN HIỀN LƯƠNG	10/11/1979	*****51	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002700
241	TRẦN ĐÌNH LƯƠNG	07/09/1983	*****02	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		007538
242	HOÀNG THỊ LƯƠNG	06/04/1986	*****62	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		00688
243	TRƯƠNG THỊ LY	09/10/2001	*****94	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001359
244	NGUYỄN THỊ MINH LÝ	20/02/1990	*****07	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007950
245	TRẦN VĂN MẠCH	05/07/1974	*****63	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001323
246	CAO THỊ KIỀU MAI	14/07/1994	*****20	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001154
247	NGUYỄN VĂN MẠNH	28/10/2004	*****62	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00179
248	NGUYỄN VĂN MẠNH	18/03/1997	*****71	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		003968
249	ĐÌNH THỊ HỒNG MẾN	20/10/1979	*****87	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		001325
250	TRẦN ĐÌNH MINH	26/06/1959	*****03	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		007181
251	LÊ THỊ MINH	11/12/1991	*****59	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		00421
252	NGUYỄN VĂN MINH	12/07/1981	*****18	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		001155
253	HỒ THỊ MƠ	08/08/1968	*****24	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		00360

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
254	NGUYỄN THỊ LỆ MÙI	16/01/1979	*****73	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00710
255	LÊ THỊ MỸ	08/03/1988	*****62	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		007645
256	TRƯƠNG THỊ NA	29/01/1995	*****49	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006418
257	HOÀNG THỊ NA	07/06/2004	*****23	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		001083
258	PHẠM VĂN NAM	10/06/2000	*****70	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x		006400
259	BÙI ĐỨC NAM	28/02/1999	*****18	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004163
260	NGUYỄN THỊ NAM	15/09/1982	*****32	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00711
261	LÊ THỊ HOÀI NAM	27/09/1980	*****97	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007718
262	NGUYỄN VĂN NAM	10/10/1994	*****15	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001149
263	TRƯƠNG VĂN NAM	07/05/1995	*****69	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00989
264	CAO XUÂN NAM	22/07/1994	*****34	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00785
265	TRẦN THỊ NẾT	01/06/1996	*****76	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00917
266	LÊ THỊ NGA	19/04/1991	*****40	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		005600
267	NGUYỄN THỊ NGA	10/10/1992	*****79	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		007616
268	NGUYỄN THỊ THÚY NGA	11/08/1998	*****57	Xã Minh Đài, Tỉnh Phú Thọ	x		004383
269	NGÔ THỊ NGA	15/10/1988	*****62	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007897
270	LÊ THỊ NGA	28/11/1997	*****28	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x		00816

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
271	PHAN THỊ NGA	20/06/1991	*****99	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		00887
272	VI THỊ NGA	05/06/1997	*****33	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00948
273	NGUYỄN XUÂN NGÂN	21/10/2003	*****09	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00581
274	NGUYỄN THỊ NGÂN	18/09/1999	*****72	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		00742
275	NGUYỄN THỊ NGÂN	01/03/1991	*****52	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001191
276	CÀM MINH NGHĨA	17/02/1977	*****98	Phường Nghĩa Lộ, Tỉnh Lào Cai	x	A1	002405
277	PHẠM THỊ NGỌC	05/09/1997	*****14	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		007365
278	HOÀNG THỊ NGỌC	20/06/2007	*****17	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007169
279	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC	10/05/1983	*****52	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		0078
280	NGUYỄN THÚY NGỌC	23/06/1990	*****54	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00728
281	TRẦN THỊ HỒNG NGỌC	04/02/1998	*****38	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00729
282	VƯƠNG THỊ NGỌC	02/11/1990	*****98	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x		00730
283	ĐÀO THỊ BÍCH NGỌC	06/10/2002	*****53	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		001167
284	BÙI THỊ BÍCH NGỌC	16/08/1982	*****58	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		00990
285	VŨ QUANG NGỌC	14/02/1983	*****83	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00992
286	LÊ VĂN NGỌC	02/01/2001	*****69	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		001428
287	NGUYỄN KHẮC NGỌT	27/11/1987	*****18	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00514

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
288	CAO XUÂN NGUYỄN	09/10/1990	*****92	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		007720
289	PHẠM THỊ NGUYỆT	29/09/1990	*****80	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		001082
290	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	25/10/1991	*****63	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		00786
291	NGUYỄN THỊ NHÂM	20/03/1982	*****68	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001888
292	NGUYỄN PHÚC NHÂN	17/10/1997	*****99	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001118
293	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	26/06/2006	*****70	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006438
294	HỒ TÚ NHI	12/02/2002	*****22	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		007045
295	PHẠM THỊ YẾN NHI	09/11/2003	*****32	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		007104
296	LÊ THỊ NHỚ	05/05/1991	*****86	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00131
297	ĐẬU THỊ NHUNG	20/10/1987	*****07	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		005868
298	VÕ THỊ NHUNG	26/12/1974	*****55	Xã Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	x		00133
299	HOÀNG HỒNG NHUNG	26/02/1978	*****08	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		007171
300	TRẦN VŨ CẨM NHUNG	27/10/2000	*****57	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		001050
301	PHAN CẨM NHUNG	12/04/2002	*****06	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00712
302	HOÀNG VĂN NHƯNG	01/01/1963	*****55	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007619
303	BÙI THỊ KIM OANH	15/07/1989	*****43	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007620
304	NGUYỄN THỊ OANH	10/03/1989	*****33	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		001077

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
305	CHU THỊ OANH	09/06/1998	*****47	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007962
306	PHAN THỊ OANH	20/07/1979	*****88	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00787
307	PHAN GIA PHÁT	12/11/2003	*****30	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		002275
308	LÊ NGỌC PHONG	10/04/1967	*****25	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00134
309	NGUYỄN BÁ PHÓNG	12/07/2006	*****29	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001441
310	TRƯƠNG XUÂN PHÚC	06/02/1989	*****04	Xã Mường Chông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006710
311	ĐINH THANH PHÚC	10/01/1991	*****91	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x		003355
312	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	28/12/1995	*****54	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x		00112
313	HOÀNG THỊ HỒNG PHƯƠNG	26/11/1985	*****80	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00893
314	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	13/04/1964	*****70	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007912
315	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	20/03/2000	*****82	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		00949
316	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	01/07/1972	*****39	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		00743
317	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	16/06/1975	*****48	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00757
318	LÊ ANH QUÂN	04/04/2007	*****32	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		00521
319	NGUYỄN THẾ QUÂN	27/09/1993	*****33	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00758
320	TRƯƠNG VĂN QUANG	10/09/1982	*****46	Xã Tam Thái, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001319
321	ĐOÀN NHẬT QUANG	09/07/2007	*****00	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		001125

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
322	TRẦN ĐỨC QUÝ	24/10/2007	*****73	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		0080
323	TRẦN ĐÌNH QUÝ	29/10/1983	*****04	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00762
324	NGUYỄN THỊ THẢO QUYÊN	18/11/1994	*****76	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00732
325	CAO XUÂN QUYÊN	19/12/1989	*****26	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001119
326	BÙI THÁI QUYẾT	06/04/2003	*****86	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003726
327	TRẦN THỊ QUỲNH	22/02/1994	*****35	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		004088
328	NGUYỄN THỊ QUỲNH	07/03/2002	*****05	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003225
329	PHAN VĂN QUỲNH	22/10/2004	*****02	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00537
330	TRẦN THỊ QUỲNH	08/03/1982	*****28	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007524
331	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	24/04/1985	*****56	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		004711
332	HỒ THỊ QUỲNH	27/01/1994	*****46	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		001383
333	NGUYỄN TRỌNG SÁU	20/11/1970	*****28	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00744
334	CAO THỊ SEN	16/09/1977	*****60	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00365
335	NGUYỄN THỊ SEN	13/08/1993	*****51	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00839
336	THẠCH ĐÌNH SƠN	29/12/1968	*****88	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006240
337	NGUYỄN HỒNG SƠN	10/02/1969	*****86	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00995
338	NGUYỄN SƠN	18/07/1982	*****22	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00763

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
339	NGUYỄN VĂN SƠN	25/09/1989	*****49	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00764
340	HOÀNG THỊ SƯƠNG	09/10/2001	*****41	Xã Bích Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003724
341	MAI VĂN SỸ	30/07/1995	*****38	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		00997
342	CAO TIẾN TÀI	22/01/1995	*****76	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001120
343	TRẦN THỊ TÁM	26/10/1989	*****23	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		00921
344	VÕ CÔNG TÁM	06/09/1982	*****79	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		001396
345	TRẦN THỊ TÂM	09/05/1999	*****30	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00403
346	TRẦN THỊ TÂM	04/12/1990	*****11	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		001379
347	PHẠM VĂN TÂN	08/12/1992	*****58	Xã Bích Hà, Tỉnh Nghệ An	x		001406
348	NGUYỄN VĂN TĂNG	28/08/2001	*****13	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00733
349	NGUYỄN NGỌC THẠCH	05/06/1993	*****22	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		006358
350	NGUYỄN THẾ THÁI	25/09/2006	*****84	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005290
351	TRẦN VĂN THÁI	10/03/1994	*****22	Xã Phước Hà, Tỉnh Khánh Hòa	x		00973
352	ĐẶNG QUANG THÁI	10/09/1984	*****59	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001030
353	NGUYỄN HỮU THÁI	20/11/1973	*****07	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001459
354	TRẦN THỊ HỒNG THẨM	19/09/1985	*****15	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001351
355	NGUYỄN THỊ THẨM	12/05/1987	*****26	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00789

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
356	NGUYỄN THỊ THÂN	12/07/1976	*****46	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		00817
357	NGÔ THỊ THÂN	15/05/1966	*****51	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00951
358	LÊ VIỆT THẮNG	07/02/2005	*****56	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		004358
359	LÊ VĂN THẮNG	01/09/1990	*****47	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00440
360	LÊ ĐỨC THẮNG	15/03/1975	*****04	Phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội	x		00689
361	TRẦN VĂN THẮNG	16/11/1996	*****16	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001450
362	NGUYỄN THỊ THANH	20/03/1992	*****97	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007674
363	TRẦN THỊ THANH	12/04/1991	*****57	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00922
364	HỒ THỊ THANH	27/07/1992	*****70	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00998
365	TRƯƠNG XUÂN THÀNH	14/08/1997	*****40	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		006904
366	TRINH XUÂN THÀNH	22/06/2006	*****01	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00441
367	LÊ VĂN THAO	15/11/1986	*****53	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		00999
368	LÊ NGỌC THẢO	13/09/1982	*****77	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00626
369	LÊ VĂN THẢO	07/10/1979	*****90	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00923
370	ĐINH THỊ THẢO	15/12/1991	*****92	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005340
371	THÁI THỊ KIM THẢO	01/11/1998	*****90	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		00329
372	TRẦN THỊ HƯƠNG THẢO	22/02/1996	*****63	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		004263

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
373	HOÀNG THỊ THẢO	03/08/1998	*****24	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00734
374	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	06/08/1998	*****41	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x		00952
375	NGUYỄN THỊ THẢO	20/01/1977	*****24	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		00745
376	CAO THỊ THÊM	12/02/1994	*****58	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003714
377	NGUYỄN THỊ THI	25/11/2000	*****88	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		00735
378	ĐÀM TRƯỜNG THI	10/10/1982	*****29	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007964
379	NGUYỄN THIÊN	07/01/2000	*****38	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		001012
380	TRẦN VĂN THIẾT	05/11/2004	*****77	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		00791
381	LÊ KHẮC THỊNH	17/06/1987	*****51	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		003011
382	LÔ VĂN THOẠI	24/04/1962	*****09	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x		004726
383	MẠC VĂN THÔNG	15/06/1993	*****82	Xã Mường Chọng, Tỉnh Nghệ An	x		007570
384	HOÀNG VĂN THÔNG	13/01/1989	*****28	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		003866
385	PHẠM VĂN THÔNG	26/07/1971	*****56	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		001000
386	LÊ THỊ THU	04/10/1984	*****88	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007947
387	PHẠM THỊ THU	12/08/1973	*****29	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		006120
388	HOÀNG THỊ THU	14/09/1983	*****13	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		004256
389	LÊ THỊ THU	24/01/1989	*****83	Xã Trường Lâm, Tỉnh Thanh Hóa	x		00897

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
390	NGUYỄN VĂN THUẬN	28/02/2000	*****55	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007392
391	NGUYỄN VĂN THUẬN	20/05/1976	*****67	Xã Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	x		00768
392	HỒ THỊ THUẬT	25/09/1982	*****35	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		006164
393	TRƯƠNG THỊ THƯƠNG	10/12/1995	*****77	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007625
394	HOÀNG THỊ THƯƠNG	20/08/1988	*****59	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		004289
395	LƯƠNG HOÀI THƯƠNG	12/09/2001	*****72	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00251
396	PHAN THỊ THƯƠNG	23/04/1992	*****51	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		00713
397	NGUYỄN VĂN THƯỜNG	12/11/1984	*****63	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007462
398	NGUYỄN THỊ THÚY	17/10/1989	*****28	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		006982
399	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	21/12/1996	*****62	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00714
400	PHAN XUÂN THỦY	30/04/1990	*****16	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		0086
401	BÙI THỊ THỦY	16/10/1980	*****28	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		00629
402	PHAN THỊ THU THỦY	21/07/1983	*****47	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		006313
403	TRẦN THỊ THỦY	30/09/1999	*****84	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		007626
404	NGUYỄN THỊ THỦY	20/09/1973	*****45	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		004241
405	MAI THỊ THỦY	22/08/1976	*****95	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007679
406	HỒ THỊ THỦY	05/11/2000	*****28	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00843

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
407	NGUYỄN THỊ THU THỦY	19/10/2001	*****22	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		001040
408	NGUYỄN THỊ THỦY	07/06/1989	*****94	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		00716
409	HÀ THỊ THỦY	12/06/1976	*****64	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00736
410	NGUYỄN THỊ THỦY	30/10/1992	*****78	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		001034
411	NGUYỄN VĂN THUYỀN	07/05/1999	*****79	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001158
412	HỒ ĐÌNH TIẾN	10/04/1992	*****30	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		00181
413	TRẦN THỊ TIẾN	07/09/1995	*****55	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001140
414	BÙI VĂN TIN	07/02/2002	*****34	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		002259
415	ĐẬU NGỌC TÌNH	10/07/1976	*****33	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004688
416	NGUYỄN NGỌC TỊNH	14/08/1979	*****09	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00975
417	NGUYỄN XUÂN TỎI	05/05/1989	*****27	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		001001
418	KHA QUÝ TÔN	15/11/2006	*****08	Xã Sơn Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		005794
419	VÕ THỊ TRÂM	14/10/1992	*****83	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00717
420	HOÀNG THỊ THANH TRANG	06/02/2001	*****37	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00407
421	HOÀNG TRỌNG TRANG	16/10/1991	*****33	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00631
422	NGÔ THỊ HUYỀN TRANG	08/12/1987	*****66	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007199
423	ĐÀO THÙY TRANG	10/06/1991	*****77	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		001066

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
424	NGÔ TRÍ TRÀNG	10/10/1985	*****59	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00739
425	MAI THỊ TRÍ	06/11/1981	*****39	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00232
426	TRẦN ĐÌNH TRIỆU	15/10/1989	*****29	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		004737
427	NGUYỄN THỊ TRÚC	20/12/1989	*****05	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		00901
428	TRẦN VĂN TRƯỜNG	22/02/1982	*****12	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		007504
429	HỒ NGỌC TRƯỜNG	03/09/1993	*****75	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001114
430	LÊ VĂN TRƯỜNG	02/11/1992	*****15	Xã Đức Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	001456
431	HỒ SỸ TRUYỀN	29/09/2005	*****88	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		006764
432	PHAN THỊ TÚ	26/07/1998	*****27	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	x	A1	0058
433	PHẠM ĐÌNH TÚ	26/10/1978	*****52	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		001003
434	LÊ NGỌC TÚ	28/02/2001	*****07	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		00769
435	NGUYỄN BÁ TỰ	21/08/1968	*****76	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006577
436	NGUYỄN ANH TUẤN	14/08/1985	*****31	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003731
437	KHA BẢO TUẤN	03/08/2002	*****35	Xã Bình Chuẩn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00686
438	HỒ VĂN TUẤN	10/08/1992	*****51	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00696
439	THÁI VĂN TUẤN	20/09/1991	*****85	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001046
440	NGUYỄN BÁ TUẤN	10/10/1991	*****82	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001090

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
441	TRẦN QUỐC TUẤN	20/05/1984	*****43	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001412
442	NGUYỄN VĂN TUỆ	15/11/1971	*****20	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007970
443	NGUYỄN TẮT TÙNG	06/12/1975	*****80	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		00917
444	NGUYỄN VĂN TÙNG	03/08/1989	*****11	Xã Giai Xuân, Tỉnh Nghệ An	x		00792
445	LÊ THỊ TƯƠI	17/06/2000	*****58	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001004
446	HÀ THỊ TUYẾT	20/08/1991	*****64	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		00718
447	NGUYỄN VĂN TÝ	03/09/1982	*****14	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001170
448	TRẦN THỊ VÂN	01/07/1993	*****42	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		001257
449	NGUYỄN THỊ VÂN	27/01/1998	*****40	Xã Trung Chính, Tỉnh Bắc Ninh	x		001329
450	TRẦN THỊ VINH	25/10/1978	*****75	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		00677
451	ĐẶNG THỊ VINH	20/10/1969	*****48	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		00956
452	PHAN VĂN VINH	01/07/1982	*****71	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001423
453	ĐOÀN MINH VŨ	10/05/1998	*****32	Xã Phong Nha, Tỉnh Quảng Trị	x		00462
454	TRẦN THỊ TRÀ VY	05/09/1999	*****90	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		001380
455	TRẦN VĂN XOAN	16/02/1996	*****60	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001402
456	NGUYỄN VIỆT XUÂN	15/11/1971	*****70	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007725
457	ĐẶNG THỊ THANH XUÂN	21/12/1976	*****13	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00738

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
458	VŨ THỊ XUYẾN	01/03/1986	*****73	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00371
459	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	26/10/1999	*****02	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002039